

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2018/KDTM-ST**

Ngày: 18-10-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.
2. Ông Vũ Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2018/TLST-KDTM ngày 01-02-2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 352/2018/QĐXXST-KDTM ngày 24-8-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 299/2018/QĐST-KDTM ngày 20-9-2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T

Trụ sở: 1351/57 đường Bùi Hữu Nghĩa, ấp K, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lầu Lý K, sinh năm: 1959 – Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Chỗ ở hiện tại: Ấp 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần H, sinh năm: 1990 (Giấy ủy quyền lập ngày 06-01-2018)

Địa chỉ: 240 đường 30/4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Anh H có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn D

Trụ sở: Lô H38B đường số 6, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, xã P, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Minh T, sinh năm: 1975 – Giám đốc

Chỗ ở hiện tại: 490 ấp 4, xã H, thành phố A, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn L, sinh năm: 1967 (Giấy ủy quyền lập ngày 14-8-2018, nộp Tòa án ngày 24-8-2018).

Địa chỉ nơi làm việc: Lô H38B đường số 6, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, xã P, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

(Anh L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10-01-2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm - Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T có người đại diện theo ủy quyền anh Trần H trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T là doanh nghiệp kinh doanh mua bán thuốc nhuộm các loại, hóa chất tẩy giặt và nguyên phụ liệu cho ngành dệt may.

Công ty trách nhiệm hữu hạn D là khách hàng mua bán hóa chất dệt nhuộm với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T. Vào ngày 02-01-2015 các bên có ký hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán thuốc nhuộm các loại, theo đó Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T bán thuốc nhuộm cho Công ty trách nhiệm hữu hạn D theo từng đơn đặt hàng, Công ty D có trách nhiệm thanh toán trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận hàng.

Ngày 01-4-2016 hai bên đã lập biên bản xác nhận số tiền Công ty trách nhiệm hữu hạn D còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T tính đến ngày 01-4-2016 là 1.345.475.006 đồng. Theo đó Công ty trách nhiệm hữu hạn D cam kết chậm nhất là đến ngày 31-10-2016 sẽ thanh toán hết nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T.

Tuy nhiên kể từ đó cho đến nay Công ty trách nhiệm hữu hạn D chỉ thanh toán các lần tiền như sau:

- Ngày 06-5-2016 thanh toán 100.000.000 đồng;
- Ngày 27-6-2016 thanh toán 100.000.000 đồng;
- Ngày 28-7-2016 thanh toán 100.000.000 đồng;

- Ngày 23-8-2016 thanh toán 100.000.000 đồng;
- Ngày 07-11-2016 thanh toán 100.000.000 đồng;
- Ngày 25-01-2017 thanh toán 300.000.000 đồng;
- Ngày 08-11-2017 thanh toán 50.000.000 đồng;
- Ngày 21-02-2018 thanh toán 100.000.000 đồng;
- Ngày 20-3-2018 thanh toán 50.000.000 đồng;
- Ngày 18-6-2018 thanh toán 30.000.000 đồng.

Như vậy tính đến ngày 26-7-2018 Công ty trách nhiệm hữu hạn D còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T số nợ gốc là 315.475.006 đồng và tiền lãi phát sinh chậm trả tính trên số tiền chậm thanh toán tính kể từ ngày 01-11-2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 77.748.187 đồng, cụ thể như sau:

- Tiền lãi chậm trả đối với số tiền 545.475.006 đồng được tính từ ngày 01-11-2016 đến ngày 01-11-2017: $545.475.006 \text{ đồng} \times 0,75\% / \text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 49.092.700 \text{ đồng};$

- Tiền lãi chậm trả đối với số tiền 495.475.006 đồng được tính từ ngày 02-11-2017 đến ngày 02-02-2018: $495.475.006 \text{ đồng} \times 0,75\% / \text{tháng} \times 3 \text{ tháng} = 11.148.000 \text{ đồng};$

- Tiền lãi chậm trả đối với số tiền 345.475.006 đồng được tính từ ngày 02-02-2018 đến ngày 02-6-2018: $345.475.006 \text{ đồng} \times 0,75\% / \text{tháng} \times 4 \text{ tháng} = 7.773.187 \text{ đồng};$

- Tiền lãi chậm trả đối với số tiền 315.475.006 đồng được tính từ ngày 02-7-2018 đến ngày 02-10-2018: $315.475.006 \text{ đồng} \times 0,75\% / \text{tháng} \times 4 \text{ tháng} = 9.464.250 \text{ đồng};$

Tổng cộng tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 393.223.193 đồng.

Nay anh đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải thanh toán số tiền nợ mua hàng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 393.223.193 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 16-8-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án – Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn L trình bày:

Ông là người đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn D xác nhận hiện còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T số nợ gốc 315.475.006 đồng nhưng đây là số nợ của chủ cũ – ông Trương Đình Cát để lại; ông Ngô Minh Tuấn nhận chuyển nhượng công ty này về mặt pháp lý là từ ngày 02-4-2018 cho đến nay. Công ty trách nhiệm hữu hạn D có thiện chí là đồng ý

trả nợ gốc 315.475.006 đồng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T làm nhiều lần, hạn chót là đến ngày 31-12-2018 là hoàn tất.

Đối với tiền lãi thì Công ty trách nhiệm hữu hạn D không đồng ý trả, cụ thể là người đại diện theo pháp luật – ông Ngô Minh Tuấn không đồng ý. Vì ông Tuấn muốn đôi bên cùng có thiện chí giải quyết cho xong tranh chấp này.

Ông yêu cầu Tòa án đưa ông Trương Đình Cát tham gia tố tụng nếu trong trường hợp nguyên đơn vẫn đòi số tiền lãi nêu trên.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D. Theo Công văn số 3351/ĐKKD-THKT ngày 08-6-2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T có trụ sở tại Lô H38B đường số 6, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cho ông Lê Văn L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nhưng ông L không đến phiên tòa xét xử vụ án trên nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự xác lập vào thời điểm Luật Thương mại năm 2005 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Luật Thương mại năm 2005 để giải quyết vụ án.

[5] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D thanh toán số nợ gốc là 315.475.006 đồng và tiền lãi phát sinh chậm trả tính trên số tiền chậm thanh toán tính kể từ ngày 01-11-2016 cho đến ngày xét xử là 77.748.187 đồng, tổng cộng là 393.223.193 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Còn trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D xác định chỉ đồng ý trả nợ gốc 315.475.006 đồng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T làm nhiều lần, hạn chót là đến ngày 31-12-2018 là hoàn tất. Tuy nhiên, Công ty trách nhiệm hữu hạn D không đồng ý trả tiền lãi theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời yêu cầu Tòa án đưa ông Trương Đình Cát tham gia tố tụng nếu trong trường hợp nguyên đơn vẫn đòi số tiền lãi nêu trên.

[7] Về tính pháp lý của hợp đồng: Các bên đương sự đều thừa nhận vào ngày 02-01-2015 các bên có ký hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán thuốc nhuộm các loại, theo đó Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T bán thuốc nhuộm cho Công ty trách nhiệm hữu hạn D theo từng đơn đặt hàng, Công ty trách nhiệm hữu hạn D có trách nhiệm thanh toán trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận hàng. Việc các bên xác lập hợp đồng này phù hợp theo quy định tại Điều 24 Luật Thương mại năm 2005.

[8] Về yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng của bị đơn: Phía bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D cho rằng số tiền mà nguyên đơn khởi kiện trong vụ án này là số nợ của chủ cũ – ông Trương Đình Cát để lại; ông Ngô Minh Tuấn nhận chuyển nhượng công ty này về mặt pháp lý là từ ngày 02-4-2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, khi ông Trương Đình Cát là người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn D xác lập hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T là với tư cách đại diện cho pháp nhân, không phải là cá nhân của ông Trương Đình Cát; chính vì vậy, theo quy định tại Điều 87 Bộ luật dân sự năm 2015 về trách nhiệm dân sự của pháp nhân thì: “1. *Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân.*

Pháp nhân chịu trách nhiệm dân sự về nghĩa vụ do sáng lập viên hoặc đại diện của sáng lập viên xác lập, thực hiện để thành lập, đăng ký pháp nhân, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

2. Pháp nhân chịu trách nhiệm dân sự bằng tài sản của mình; không chịu trách nhiệm thay cho người của pháp nhân đối với nghĩa vụ dân sự do người

của pháp nhân xác lập, thực hiện không nhân danh pháp nhân, trừ trường hợp luật có quy định khác.

3. *Người của pháp nhân không chịu trách nhiệm dân sự thay cho pháp nhân đối với nghĩa vụ dân sự do pháp nhân xác lập, thực hiện, trừ trường hợp luật có quy định khác*”. Do đó, việc phía bị đơn yêu cầu đưa thêm ông Trương Đình Cát tham gia tố tụng là không có cơ sở.

[9] Về nợ gốc: Vào ngày 01-4-2016 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T và Công ty trách nhiệm hữu hạn D có ký với nhau văn bản xác nhận công nợ, theo đó Công ty trách nhiệm hữu hạn D có thừa nhận còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T. Tính đến ngày 26-7-2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn D xác nhận còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T số nợ gốc là 315.475.006 đồng, các bên không thống nhất với nhau về tiền lãi. Vì vậy, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn D trả số nợ gốc còn lại là có cơ sở chấp nhận.

[10] Về tiền lãi phát sinh chậm trả: Theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 164/2015/TM lập ngày 02-01-2015 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T và Công ty trách nhiệm hữu hạn D có thỏa thuận “*Khi giao hàng cho Bên B, bên A gửi hóa đơn GTGT cho bên B. Bên B thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được hàng của bên A. Nếu quá hạn phải cộng thêm lãi suất quá hạn do ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định*”. Cho nên, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh chậm trả tính trên số tiền chậm thanh toán tính kể từ ngày 01-11-2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền 77.748.187 đồng là phù hợp.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T số tiền 393.223.193 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[12] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[13] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24 Luật Thương mại năm 2005; Điều 87, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T số tiền 393.223.193 đồng (ba trăm chín mươi ba triệu hai trăm hai mươi ba nghìn một trăm chín mươi ba đồng), trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

2.1 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 13.909.500 đồng (mười ba triệu chín trăm lẻ chín nghìn năm trăm đồng) mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0031285 ngày 22-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải chịu án phí sơ thẩm là 19.661.159 đồng (mười chín triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn một trăm năm mươi chín đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS.HBC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Hồng Cẩm